**Câu 1. Kí hiệu nào dùng để xác định các khối lệnh trong Python?**

A. Dấu ngoặc nhọn **{ }.**

B. Dấu ngoặc vuông **[ ].**

C. Dấu ngoặc đơn **( ).**

**D.** Thụt lề hoặc lùi vào.

**Câu 2. Lệnh range(n) trả lại vùng giá trị từ:**

**A.** 0, 1, 2, …, n-1 B. 0, 1, 2, …, n

C. 1, 2, …, n-1 D. 1, 2, …, n

**Câu 3. Lệnh nào đúng khi khởi tạo dữ liệu danh sách Ds?**

A. Ds 6== [ ]

B. Ds = [1.5, 2, 3, “9”, “10”]

C. Ds == {3, 4, 5, 6, 7}

D. [1, 2, 3, 4, 5] = Ds

**Câu 4. Lệnh nào thêm phần tử vào cuối danh sách bất kỳ trong Python?**

A. len() B. del

C. append() D. insert()

**Câu 5. Muốn “chèn phần tử x vào vị trí k của danh sách A” thì sử dụng lệnh gì?**

A. A.append(x) B. A.insert(k, x)

C. A.clear() D. A.remove(x)

**Câu 6. Muốn “xóa toàn bộ dữ liệu của danh sách A” thì sử dụng lệnh gì?**

A. A.append(x) B. A.insert(k, x)

C. A.clear() D. A.remove(x)

**Câu 7. Muốn “xóa phần tử x từ danh sách A” thì sử dụng lệnh gì?**

A. A.append(x) B. A.insert(k, x)

C. A.clear() D. A.remove(x)

**Câu 8. Điểm khác nhau cơ bản giữa xâu và danh sách là:**

A. các phần tử của xâu được đánh số bắt đầu từ 0.

**B.** không thể thay đổi được từng kí tự của xâu.

C. có thể thay đổi được từng kí tự của xâu.

D. truy cập đến phần tử của xâu thông qua tên biến xâu và chỉ số.

**Câu 9. Độ dài của xâu được tính qua lệnh:**

A. len( ) B. range( )

C. append( ) D. for

**Câu 10. Lệnh s1 in s2 có ý nghĩa gì?**

A. Tìm xâu con của xâu s1;

B. Tìm một phần tử có giá trị bất kì trong xâu

**C.** Trả lại giá trị fasle nếu xâu s1 không là xâu con của s2.

D. Trả lại giá trị true nếu xâu s1 không là xâu con của xâu s2.

**Câu 11: Để kiểm tra một xâu có phải là xâu con của một xâu khác hay không, ta sử dụng......**

**A.** toán tử **in** B. lệnh **find()**

C. lệnh **split()** D. lệnh **join()**

**Câu 12: Để tìm kiếm vị trí xuất hiện của xâu con trong xâu mẹ, ta sử dụng......**

A. toán tử **in B.** lệnh **find()**

C. lệnh **split()** D. lệnh **join()**

**Câu 13: Để tách một xâu thành các từ và đưa vào một danh sách, ta sử dụng......**

A. toán tử **in** B. lệnh **find()**

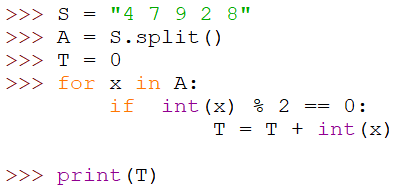
**C.** lệnh **split()** D. lệnh **join()**

**Câu 14: Để nối danh sách các xâu thành một xâu, ta sử dụng......**

A. toán tử **in** B. lệnh **find()**

C. lệnh **split()** **D.** lệnh **join()**

**Câu 15: Đoạn chương trình sau in ra kết quả:**

****

A. 30 B. 16 **C.** 14 D. 0

**Câu 16. Để khai báo hàm, bạn cần sử dụng từ khoá nào dưới đây?**

A. dfe B. function **C.** def D. return

**Câu 17. Từ khóa nào dùng để khai báo hàm người dùng tự định nghĩa?**

**A.** def B. dec C. return D. print

**Câu 18. Mệnh đề nào dưới đây mô tả đúng về hàm tự định nghĩa không trả lại giá trị?**

A. Mô tả hàm không có từ khóa return.

B. Mô tả hàm chỉ có một từ khóa return.

C. Mô tả hàm phải có tối thiểu hai từ khóa return.

**D.** Mô tả hàm hoặc không có return hoặc có return nhưng không có giá trị sau từ khóa return.

**Câu 19. Lệnh x = int(“2022”) có tác dụng gì?**

****

**A.** Chuyển xâu 2022 thành số nguyên 2022

B. Chuyển số nguyên 2022 thành xâu 2022

C. Biểu thức logic – phép so sánh x = 2022

D. Câu lệnh gán x = int (“2022”)

**Câu 20. Trong lệnh x = int(“2022”) thì tham số hàm là gì?**

****

A. int(“2022”) **B.** “2022”

C. 2022 D. (“2022”)

**Câu 21. Hàm sau có tác dụng gì?**



A. in ra ba số là : n, n+1 và n+2

B. in ra sau số n 3 số thập phân

**C.** tăng n lên 1 đơn vị

D. tăng n lên 1 đơn vị rồi sau đó tăng thêm 3 đơn vị nữa do lệnh inc (3)

**Câu 22. Hàm sau có chức năng gì?**



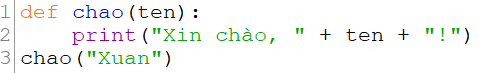
A. Trả về tổng của hai số a và b được truyền vào.

B. Trả về hai giá trị a và b.

C. Tính tổng hai số a và b.

**D.** Tính tổng hai số a và b và hiển thị ra màn hình.

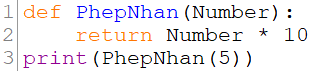
**Câu 23. Chương trình sau cho kết quả là bao nhiêu?**



A. “Xin chào”. **B.** “Xin chào, Xuan!”.

C. “Xin chào!”. D. Câu lệnh bị lỗi.

**Câu 24. Kết quả của chương trình sau là gì?**



A. 5. B. 10.

C. Chương trình bị lỗi. **D.** 50.

**Câu 25. Hãy cho biết kết quả trả về của lệnh sau là gì?**

****

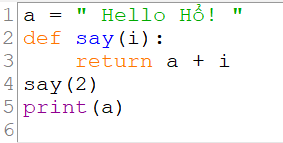
A. x= int (“2022”)

B. x= 2022 (2022 có giá trị là 1 xâu)

C. x có giá trị TRUE hay FALSE

**D.** x= 2022 (2022 có giá trị là 1 số nguyên)

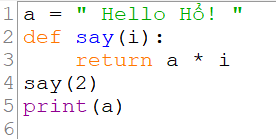
**Câu 26. Chương trình sau bị lỗi ở dòng lệnh thứ bao nhiêu?**



A. 4. B. 2.

**C.** 3. D. Không có dòng lệnh bị lỗi.

**Câu 27. Chương trình sau bị lỗi ở dòng lệnh thứ bao nhiêu?**



A. 4. B. 2.

C. 3. **D.** Không có dòng lệnh bị lỗi.

**Câu 28. Trong Python, hàm tự định nghĩa có thể có bao nhiêu tham số?**

A. 0 B. 1 C. 2 **D.** Không hạn chế

**Câu 29. Khi gọi hàm, dữ liệu được truyền vào hàm được gọi là gì?**

A. Tham số B. Hiệu số

**C.** Đối số D. Hàm số

**Câu 30. Đặc điểm nào KHÔNG thể hiện vai trò của chương trình con?**

**A.** Chương trình dài dòng, khó chỉnh sửa.

B. Chương trình ngắn gọn, dễ hiệu chỉnh nâng cấp.

C. Giúp giải các bài toán lớn hiệu quả.

D. Có thể gọi sử dụng mọi thời điểm.

**Câu 31. Khẳng định nào dưới đây KHÔNG đúng?**

**A.** Hàm bắt buộc có tham số.

B. Có thể truyền giá trị cho tham số.

C. Khi truyền số giá trị đưa vào bằng số tham số trong hàm.

D. Hàm có thể có hoạc không có tham số.

**Câu 32. Trong một chương trình Python có thể...**

A. chỉ có duy nhất một chương trỉnh con.

B. biến trong chương trình con có thể sử dụng ở chương trình chính.

C. gọi chương trình con trong chính nó hoặc chương trình con khác.

**D.** có nhiều chương trình con.

**Câu 33. Ý kiến nào đúng khi nói về hàm?**

**A.** Hàm có thể trả về giá trị hoặc không trả về giá trị.

B. Hàm luôn trả về 1 giá trị.

C. Kết quả trả về của hàm có thể gán cho một biến mới.

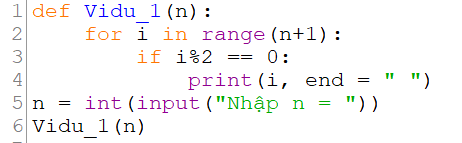
D. Biến trong hàm luôn tồn tại trong chương trinh.

**Câu 34. Hàm UCLN(m, n) để tính ước chung lớn nhất của 2 số nguyên không âm m và n. Trong chương trình có lệnh gọi hàm >>>UCLN(36, 12), vậy các giá trị (m, n) trong câu lệnh def UCLN(m, n) gọi là**

**A.** Tham số B. Đối số

C. Biến D. Hằng

**Câu 35. Chương trình sau thực hiện công việc gì?**

****

A. Xuất các số khác không phạm vi đến n.

B. Xuất ra các số bằng 2 phạm vi đến n.

**C.** Xuất các số chẵn phạm vi đến n.

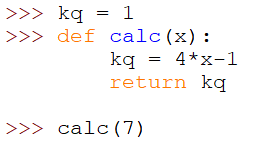
D. Xuất các số lẻ phạm vi đến n.

**Câu 36. Cho hàm sau, khi gọi hàm *Vidu(2, 2)* thì kết quả trả về là......**

****

A. 2 **B.** 6 C. 8 D. 16

**Câu 37. Sau khi thực hiện đoạn chương trình sau thì giá trị kq là bao nhiêu?**



A. 27 B. 7 **C.** 1 D. 0

**Câu 38. Phạm vi hoạt động của biến địa phương?**

A. Trong chương trình chính.

B. Trong chương trình chính và tất cả chương trình con.

**C.** Trong chương trình con chứa biến đó.

D. Chỉ một số chương trình con được sử dụng.

**Câu 39. Phạm vi hoạt động của biến tổng thể?**

**A.** Trong chương trình chính.

B. Trong chương trình chính và tất cả chương trình con.

C. Trong tất cả chương trình con.

D. Chỉ một số chương trình con được sử dụng.

**Câu 40. Trong Python, biến được khai báo và sử dụng bên trong một hàm được gọi là gì?**

**A.** Biến địa phương. B. Biến riêng.

C. Biến tổng thể. D. Biến thông thường.

**Câu 41. Trong Python, biến khai báo bên trong một hàm chỉ có thể sử dụng......**

A. bên ngoài hàm.

**B.** bên trong hàm đó.

C. trong chương trình chính.

D. bất kỳ vị trí nào trong chương trình.

**Câu 42. Nến muốn biến bên ngoài hàm vẫn có tác dụng bên trong hàm thì cần khai báo lại biến này bên trong hàm với từ khóa ......**

A. int. B. gloabl.

**C.** global. D. float.

**Câu 43. Chương trình chính không sử dụng được**

A. biến được gán giá trị bên ngoài hàm.

B. biến không được gán giá trị bên ngoài hàm.

C. biến được khai báo bên ngoài hàm.

**D.** biến được khai báo bên trong hàm

**Câu 44. Phát biểu nào dưới đây về biến địa phương và biến tổng thể là SAI?**

A. Biến tổng thể có thể được sử dụng ở trong hàm.

**B.** Biến địa phương phải có tên khác với tên của biến tổng thể.

C. Biến địa phương có thể có kiểu khác với kiểu của biến tổng thể có cùng tên.

D. Biến địa phương được khai báo trong hàm.

**Câu 45. Lỗi NameError có nghĩa là gì?**

**A.** Lỗi xảy ra khi chương trình muốn tìm một tên nhưng không thấy.

B. Lỗi kiểu dữ liệu.

C. Lỗi cú pháp.

D. Lỗi xảy ra khi lệnh cố gắng truy cập phần tử của danh sách nhưng chỉ số vượt qua giới hạn.

**Câu 46. Ngoại lệ nào xảy ra khi phát hiện thấy lỗi không thuộc bất kỳ danh mục nào khác?**

A. ReferenceError B. SystemError

**C.** RuntimeError D. LookupError

**Câu 47. Lỗi nào khó phát hiện nhất?**

A. Lỗi cú pháp. **B.** Lỗi ngữ nghĩa.

C. Lỗi ngoại lệ. D. Lỗi cú pháp và ngoại lệ.

**Câu 48. Công cụ Debug dùng để:**

A. Chạy chương trình. B. Lưu chương trình.

C. Mở chương trình. **D.** Gỡ lỗi.

**Câu 49. Để xem giá trị các biến sau khi thực hiện một câu lệnh ta dùng:**

A. lệnh input(). B. các phép tính toán.

**C.** công cụ Debug. D. thư viện PDB.

**Câu 50. Cho đoạn chương trình sau, hãy cho biết lỗi trong chương trình là lỗi gì?**

****

**A.** Cú pháp. B. Ngữ nghĩa

C. Ngoại lệ D. Ngữ nghĩa và ngoại lệ.

**Câu 51. Bug là gì?**

A. Lỗi ngoại lệ.

B. Công cụ kiểm tra lỗi.

C. Phương pháp kiểm soát lỗi.

**D.** Các lỗi không tường minh.

**Câu 52. Đâu KHÔNG phải là công cụ để kiểm thử chương trình?**

A. Công cụ in biến trung gian.

B. Công cụ sinh các bộ dữ liệu test.

**C.** Công cụ thống kê dữ liệu

D. Công cụ điểm dừng trong phần mềm soạn thảo lập trình.

**Câu 53. Bộ dữ liệu kiểm thử (test) có tính chất gì?**

A. Tính chất phát hiện lỗi của chương trình.

B. Cần có càng nhiều càng tốt.

**C.** Cần được sinh ngẫu nhiên và phủ kín các trường hợp biên của dữ liệu đầu vào bài toán.

D. Không cần có tính chất gì.

**Câu 54. Phần mềm soạn thảo lập trình có thể tạo bao nhiêu điểm dừng?**

A. 0. B. 1. **C.** Không hạn chế. D. 10.

**Câu 55. Việc tạo ra các “điểm dừng” bên trong chương trình được tạo ra bởi công cụ nào?**

A. Công cụ in.

B. Công cụ sinh các bộ dữ liệu test.

**C.** Công cụ break point.

D. Các bộ test.

**Câu 56. Chương trình chạy phát sinh lỗi ngoại lệ NameError, nên xử lí như thế nào?**

A. Kiểm tra lại chỉ số trong mảng.

**B.** Kiểm tra lại tên các biến và hàm.

C. Kiểm tra giá trị của số bị chia.

D. Kiểm tra kiểu dữ liệu nhập vào.

**Câu 57. Nếu chương trình chạy bị lỗi với thông báo lỗi ZeroDivisionError thì đó là lỗi gì?**

A. Lỗi không thể sửa được.

**B.** Đây lỗi chia hết cho 0.

C. Lỗi dữ liệu.

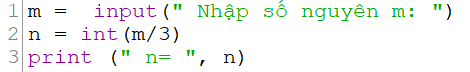
D. Lỗi giá trị của đối tượng.

**Câu 58. Khi gặp lỗi liên quan đến giá trị của đối tượng Python sẽ báo lỗi gì?**

**A.** ValueError. B. IndentationError.

C. TypeError. D. ZeroDivisionError.

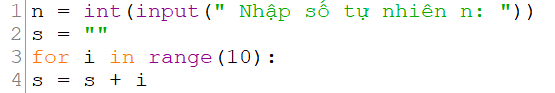
**Câu 59. Cho biết kết quả thực hiện chương trình sau với dữ liệu vào m = 3 ?**



**A.** Thông báo lỗi. B. n = 1

C. n = 3 D. n = m / 3

**Câu 60. Chương trình sau có lỗi ở dòng lệnh nào?**



A. 1. B. 2. C. 3. **D.** 4.